

KHÓI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

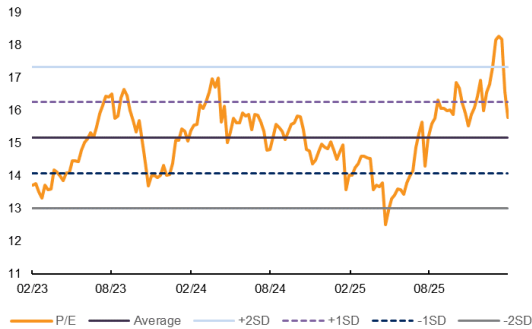
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.754,0	253,8	126,0
1 ngày (%)	0,0	-0,9	-0,3
1 tháng (%)	-6,1	2,7	3,4
Từ 2026	-1,7	2,0	4,2
1 Năm (%)	38,8	11,3	30,4
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	315	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,1	1,0	0,3
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

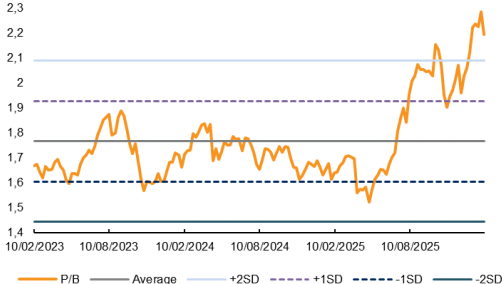
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index giằng co, dòng tiền tập trung vào nhóm Bất động sản.

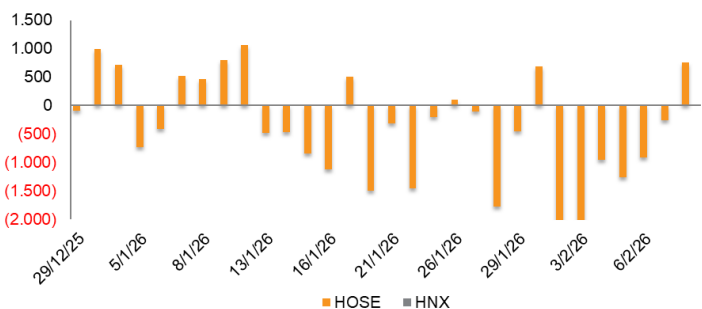
Phiên giao dịch ngày 10/02 tiếp tục ghi nhận trạng thái giằng co mạnh mẽ với sắc đỏ chiếm ưu thế trên thị trường, tuy nhiên chỉ số chung chỉ biến động trong biên độ hẹp nhờ lực đỡ từ các cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.754,03 điểm, giảm nhẹ -0,79 điểm (-0,05%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về phía tiêu cực với 216 mã giảm và chỉ có 97 mã tăng điểm, phản ánh áp lực bán vẫn hiện hữu trên diện rộng dù chỉ số được giữ nhịp.

Chỉ số VN30 diễn biến tích cực hơn thị trường chung khi đóng cửa tại 1.951,58 điểm, tăng +3,83 điểm (+0,20%). Trong rổ VN30, phe bán áp đảo khi chỉ số VN30 ghi nhận 8 cổ phiếu tăng và 16 cổ phiếu giảm điểm. Xét theo nhóm ngành, điểm sáng lớn nhất đến từ nhóm Bất động sản (+4,8%) với sự bùng nổ của cổ phiếu họ Vingroup như VIC (+7,0%), VHM (+6,6%) và VRE (+2,7%). Ngược lại, áp lực bán tiếp tục đè nặng lên các nhóm ngành khác như Viễn thông (-7,33%), Dầu khí (-6,51%), Hóa chất (-4,32%) và Ngân hàng (-1,58%). Nhiều mã lớn như GVR (-7,0%), PLX (-7,0%) và GAS (-6,9%) đã lùi về mức giá sàn hoặc sát sàn, gây áp lực lớn lên chỉ số chung.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 10/02 có sự cải thiện đáng kể, đạt mức 23.599,68 tỷ đồng, tăng 55,82% so với phiên trước đó (15.145,89 tỷ đồng) tuy nhiên vẫn thấp hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự gia tăng của thanh khoản đi kèm với độ rộng tiêu cực cho thấy dòng tiền đang có sự dịch chuyển quyết liệt, tập trung cục bộ vào nhóm cổ phiếu trụ trong khi áp lực thoát hàng vẫn duy trì ở các nhóm ngành khác. Trong bối cảnh thị trường ghi nhận trạng thái "xanh vỏ đỏ lòng", chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì kỷ luật: Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao, (1) Nên tận dụng các nhịp kéo trụ để cơ cấu, hạ tỷ trọng các mã yếu hơn thị trường chung. (2) Tránh tâm lý mua đuổi ở các mã đang tăng nóng. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Kiên nhẫn quan sát điểm cân bằng của các nhóm ngành đang bị điều chỉnh sâu. (2) Chỉ nên giải ngân thăm dò tại các vùng hỗ trợ mạnh của cổ phiếu có nội tại tốt, chú trọng quản trị rủi ro trước các biến động địa chính trị và tỷ giá toàn cầu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,8	154,5	3,9	0,7	0,0	-1,1	34,8	8,8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,9	24,4	5,8	-1,4	-1,5	-2,7	13,3	104,9
Năng lượng	2,6	42,3	2,2	-6,2	17,5	41,1	57,7	271,0
Tài chính	39,6	12,0	1,8	-1,2	-2,5	3,9	26,4	108,5
Chăm sóc sức khỏe	0,5	39,0	3,0	-0,1	4,1	4,3	13,7	124,6
Công nghiệp	7,4	31,9	4,8	-0,2	-5,4	-6,4	53,8	26,1
Công nghệ thông tin	2,3	19,0	4,4	-1,6	1,2	3,4	-17,4	35,5
Vật liệu xây dựng	6,4	18,6	1,9	-2,5	5,6	12,3	18,5	103,0
Bất động sản	23,3	55,8	5,0	5,5	-18,5	-14,8	392,5	94,1
Dịch vụ tiện ích	4,9	18,9	3,1	-4,9	6,9	33,2	46,3	395,4

Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Niềm tin tiêu dùng tháng 2/2026 tăng lên 57,3 (từ 56,4); kỳ vọng lạm phát 1 năm giảm còn 3,5% (từ 4,0%), trong khi kỳ vọng dài hạn tăng nhẹ lên 3,4% (từ 3,3%).
- Trung Quốc: S&P hạ mạnh dự báo doanh số nhà ở 2026 xuống -10% đến -14% (từ -5% đến -8%), phản ánh suy thoái BĐS sâu hơn, tồn kho cao và cầu yếu, kéo dài rủi ro tín dụng và lực cản tăng trưởng.
- Nhật Bản: Ghi nhận nợ công cao nhất từ trước tới nay. Số liệu của Bộ Tài chính Nhật Bản công bố ngày 10/2 cho thấy nợ công của nước này đã tăng lên mức kỷ lục hơn 1,342 triệu tỷ yen (khoảng 8.600 tỷ USD) tính đến cuối năm 2025.

Tin vĩ mô trong nước

- Kinh tế vĩ mô trong tháng 01/2026 cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng; đời sống người dân tiếp tục được cải thiện; tích cực chuẩn bị cho nhân dân vui Xuân, đón Tết, không để ai không có Tết. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững, tăng cường; đối ngoại được đẩy mạnh.
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 12/CTĐ-TTg ngày 08/02/2026 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa năm 2026. Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; theo dõi sát diễn biến lạm phát, tỷ giá, lãi suất, thanh khoản... để điều hành các công cụ chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, mềm mại, không "gây sốc", "giật cục", có lộ trình, phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, quy mô nền kinh tế và mục tiêu chính sách tiền tệ. Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định tỷ giá, lãi suất và tăng dự trữ ngoại hối.
- Chính phủ tăng tốc các dự án đường sắt trọng điểm (cao tốc Bắc-Nam; Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng; Biên Hòa-Vũng Tàu; Thủ Thiêm-Long Thành; metro Hà Nội và TP.HCM) nhằm tạo động lực đầu tư và liên kết vùng.
- Nghị định 54/2026/NĐ-CP giảm lãi suất vay mua/thuê mua xuống khoảng 5,4%/năm, đơn giản hóa thủ tục và tăng phân quyền cho địa phương, nhằm thúc đẩy nguồn cung và khả năng tiếp cận nhà ở.
- Chính phủ yêu cầu vận hành sàn giao dịch vàng, thành lập trung tâm giao dịch BĐS và thí điểm sàn giao dịch tài sản mã hóa trước ngày 28/02/2026.
- Chính phủ chỉ đạo mục tiêu GDP Q1/26 khoảng 8% nhằm tạo đà cho kịch bản tăng trưởng 10% cả năm 2026..

Tin ngành và doanh nghiệp

- **SAB – SABECO bị xử lý vi phạm thuế gần 7,5 tỷ đồng, nợ phải trả ở mức gần 9.600 tỷ đồng:** Quyết định này được đưa ra sau đợt thanh tra thuế giai đoạn 2023-2024. Phía SABECO lý giải, nguyên nhân dẫn đến việc nộp bổ sung xuất phát từ sự khác biệt về quan điểm giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế trong cách xác định các khoản thu nhập và chi phí được trừ. Doanh nghiệp cho biết đây là vấn đề thường gặp trong các đợt thanh, kiểm tra định kỳ hàng năm.
- **PVT – Đội tàu vượt 2 triệu tấn trọng tải, đặt mục tiêu doanh thu 16.500 tỷ đồng:** Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí vừa khép lại năm 2025 với kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng, doanh thu vượt 55% kế hoạch. Tiếp đà phát triển, doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu 16.500 tỷ đồng cho năm 2026, đồng thời khẳng định vị thế đơn vị vận tải hàng lỏng lớn nhất Việt Nam.
- **VHM – Vinhomes dẫn đầu lợi nhuận năm 2025; lãi quý IV/2025 gấp đôi:** Vinhomes báo lãi ròng quý IV/2025 hơn 26.726 tỷ đồng, bỏ xa phần còn lại của thị trường. Kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế của doanh nghiệp đầu ngành bất động sản nhà ở, trong bối cảnh hoạt động bàn giao dự án và ghi nhận doanh thu được đẩy mạnh vào cuối năm. Khoảng cách lợi nhuận giữa Vinhomes và nhóm phía sau là rất lớn, cho thấy quy mô và khả năng tạo lợi nhuận vượt trội so với mặt bằng chung.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số đô la giữ dưới 97 vào thứ Ba sau khi mất hơn 1% trong hai phiên qua, bị đè nặng bởi lo ngại rằng nhu cầu nước ngoài đối với tài sản bằng USD có thể suy yếu. Sự sụt giảm này diễn ra sau các báo cáo rằng các nhà quản lý Trung Quốc khuyến các tổ chức tài chính hạn chế nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ để giảm rủi ro tập trung và giảm thiểu tác động của các chính sách kinh tế không chắc chắn của Mỹ. Trong khi đó, các nhà đầu tư chuyển sự chú ý sang các báo cáo lạm phát và việc làm của Mỹ bị trì hoãn trong tuần này, điều này có thể ảnh hưởng đến triển vọng chính sách của Cục Dự trữ Liên bang.
- Tỷ giá USD/VND lùi về dưới 26.000 đồng, tương ứng VND đã tăng giá khoảng 1,5%, nhờ đồng USD yếu hơn và giải ngân FDI tăng trưởng ổn định.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,75	0,8	6,0	15,2	57,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/h)	8,45	-13,2	131,5	412,1	50,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8,52	-6,4	41,5	3,3	65,4
USD/VND	25.889	0,1	1,5	1,6	-1,9
DXY	96,82	0,0	-2,3	-1,5	-10,6
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,18	-0,5	0,4	0,3	-7,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,54	-0,4	-1,2	0,2	-17,5

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.050,90	2,0	12,2	16,4	76,2
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,26	-0,2	8,7	11,9	-11,1
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	68,99	-0,1	8,9	13,4	-9,1
Thép (USD/tấn)	466,0	-0,1	-1,1	-1,0	-8,0
Thịt heo (USD/kg)	1,7	-0,5	-5,1	-5,2	-17,8
Gạo (USD/tấn)	509,6	0,4	12,6	17,1	-19,3
Phân urea (USD/tấn)	425,0	3,7	19,7	24,1	17,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 10/02/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 12.2025
Thứ Tư 11/02/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 1.2026
	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1.2026
Thứ Sáu 13/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.431	4,6	3.487	53.700	73.300	37,5%	1,0%	17,7	2,8	17%
AST	124	0,0	5	71.200	85.400	23,5%	3,5%	14,1	5,0	38%
HVN	3.155	1,6	672	26.250	43.400	67,7%	2,4%	10,2	13,6	
VJC	3.410	13,8	798	163.000	113.600	-29,7%	0,6%	43,3	3,9	10%
Bán lẻ										
BAF	439	4,0	200	37.350	37.200	-0,4%		69,2	2,8	3%
DGW	415	4,6	110	48.550	49.600	3,2%	1,0%	19,4	3,1	17%
FRT	1.085	3,4	180	165.000	150.300	-8,7%	0,2%	35,4	5,4	26%
MCH	7.514	2,8	2.619	150.000	147.000	-0,6%	1,4%	29,1	10,8	46%
MWG	5.100	22,3	89	89.300	96.300	9,0%	1,1%	18,7	4,0	23%
PNJ	1.488	5,3	11	112.900	109.900	-1,8%	0,9%	14,0	2,9	23%
QNS	693	0,3	281	48.800	53.400	11,5%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.395	3,5	998	48.350	59.900	28,0%	4,1%	14,5	2,9	20%
VHC	520	2,9	410	60.000	71.300	22,2%	3,3%	9,9	1,4	15%
VNM	5.522	16,7	2.745	68.400	74.800	13,5%	4,2%	17,0	4,7	27%
Tài chính										
ACB	4.563	10,7	102	23.000	31.300	39,9%	3,8%	7,6	1,2	18%
BID	12.774	12,6	1.619	47.100	47.200	1,2%	1,0%	11,0	2,0	19%
CTG	11.130	20,9	504	37.100	49.000	32,9%	0,8%	8,3	1,6	21%
HDB	5.181	20,5	213	26.800	39.500	49,8%	2,4%	7,5	1,8	25%
LPB	4.823	3,2	205	41.800	33.400	-14,1%	6,0%	10,9	2,6	25%
MBB	8.665	26,7	83	27.850	32.900	19,9%	1,8%	8,4	1,6	22%
STB	4.333	25,9	670	59.500	45.700	-22,2%	1,0%	18,9	1,9	10%
TCB	9.471	15,8	1	34.600	40.300	19,4%	2,9%	9,7	1,4	16%
TPB	1.800	6,0	93	16.800	17.800	11,6%	5,7%	6,3	1,1	18%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VCB	20.366	20,7	1.823	63.100	69.300	10,5%	0,7%	15,0	2,3	17%
VIB	2.169	4,1	4	16.500	23.600	46,8%	3,7%	7,7	1,2	16%
VPB	8.152	21,6	416	26.600	37.100	41,4%	1,9%	8,8	1,3	15%

Dệt may

MSH	158	0,9	68	36.400	40.600	22,5%	11,0%	6,5	2,1	34%
TCM	114	1,5	2	26.300	29.800	15,2%	1,9%	12,2	1,2	10%

Khu công nghiệp

BCM	2.579	2,4	839	64.500	68.600	8,1%	1,7%	19,3	2,9	16%
GMD	1.170	3,8	121	71.000	72.000	4,2%	2,8%	19,4	2,3	12%
HAH	368	4,3	84	56.400	55.400	-0,4%	1,4%	8,2	2,1	29%
VSC	328	7,2	151	22.650	19.100	-13,5%	2,2%	24,9	1,6	7%
IDC	664	5,1	232	45.300	45.600	4,0%	3,3%	8,9	2,7	32%
KBC	1.237	6,3	468	34.000	30.000	-10,7%	1,1%	13,8	1,3	10%
PHR	303	1,5	108	57.800	68.400	20,7%	2,3%	16,5	1,9	17%
VTP	487	3,3	211	103.500	129.200	25,9%	1,0%	36,2	7,2	18%

Tài nguyên cơ bản

DGC	998	13,4	434	68.000	128.300	93,1%	4,4%	9,1	1,7	20%
HPG	7.871	36,3	2.213	26.550	30.000	14,1%	1,1%	13,2	1,6	13%

Dầu khí

BSR	4.468	12,2	2.116	23.100	16.700	-25,8%	1,9%	55,9	2,0	4%
GAS	10.038	9,1	4.682	107.700	78.400	-25,3%	1,9%	22,8	3,9	18%
OIL	615	2,4	37	15.400	14.800	-2,3%	1,6%	48,7	1,5	3%
PLX	2.616	10,4	118	53.300	47.700	-8,3%	2,3%	28,3	2,6	10%
PVD	697	10,3	256	32.450	32.600	8,2%	7,7%	20,0	1,1	6%
PVS	834	11,2	274	42.200	41.800	0,6%	1,6%	11,9	1,4	13%
PVT	361	3,6	138	19.900	23.400	18,7%	1,1%	9,0	1,1	13%

Phân bón - Hóa chất

DPM	659	4,2	301	25.100	22.700	-6,1%	3,4%	22,0	1,5	7%
-----	-----	-----	-----	--------	--------	-------	------	------	-----	----

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DCM	798	3,6	356	39.000	40.000	7,7%	5,1%	12,5	1,9	16%
DDV	161	1,3	75	28.600	39.700	42,0%	3,1%	24,8	2,4	10%
PLC	92	0,8	44	29.600	34.100	16,9%	1,7%	176,2	1,8	9%
Điện										
POW	1.535	6,8	692	12.950	14.400	12,5%	1,3%	15,7	1,1	7%
Điện và BĐS										
HDG	372	2,6	114	26.000	37.400	45,4%	1,6%	13,6	1,4	11%
PC1	388	4,1	137	24.450	26.500			10,9	1,5	15%
REE	1.266	1,2	0	60.500	76.600	28,3%	1,7%	13,0	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	632	8,4	177	14.700	18.300	38,1%	13,6%	63,7	1,1	2%
KDH	1.196	6,5	275	27.600	41.800	52,5%	1,1%	31,5	1,7	5%
NLG	515	2,8	39	27.500	42.200	55,1%	1,7%	18,8	1,1	6%
VHM	16.072	30,4	6.721	101.300	93.600			10,1	1,8	19%
VRE	2.541	12,9	935	28.950	32.000	14,2%	3,6%	10,2	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.435	29,3	604	97.800	118.200	21,9%	1,0%	17,8	4,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA